

Bản án số: 20/2019/DS-PT.

Ngày : 21-3-2019

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng
đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Đăng Thi.

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền

Bà Trần Thị Hà.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 21/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2018/TLPT- DS ngày 03 tháng 12 năm 2018.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2019/QĐ-PT ngày 11/01/2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 13 ngày 20/02/2019 giữa:

*** Nguyên đơn:**

Bà Đào Thị O, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang

*** Bị đơn:**

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn:**

Ông Triệu Hạnh H- Luật sư, Văn phòng luật sư Triệu H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Cụ Trương Thị M, sinh năm 1937, Trú tại: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Ủy quyền cho Ông Nguyễn Anh M1– sinh năm 1955, Trú tại: thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

2. Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1966, Trú tại: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).
3. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1986 (Vắng mặt).
4. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982 (Có mặt).
Ủy quyền cho bà Đào Thị T3, sinh năm 1964 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
5. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1988 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
Ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
6. Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1990 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang
Ủy quyền cho bà Đào Thị T6, sinh năm 1978 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang
7. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1969 (Có mặt).
8. Bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1959 (Có mặt).
Cùng địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
9. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1968 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn Q, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.
Ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn T đại diện (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang
10. Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, do ông Nguyễn Văn P
- Phó chủ tịch UBND huyện V đại diện (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì phía nguyên đơn bà Đào Thị O trình bày:

Năm 1974 bà kết hôn với ông Nguyễn Văn T7 sau ngay cưới bà O về nhà ông T7 làm dâu ngay, sống chung cùng bố mẹ chồng là cụ Nguyễn Văn D và cụ Trương Thị M tại thôn D, xã T. Năm 1976, HTX nông nghiệp D cấp cho vợ chồng bà O một thửa đất tại đồi Chồi (ngay sau nhà ông D, bà M). Năm 1979, ông T7 đi bộ đội, sau đó chuyển ngành và đưa bà O về sinh sống tại xã T, huyện L. Năm 1990, ông T7 nghỉ chế độ, cả gia đình ông T7 khi đó có hai vợ chồng và hai người con đã về xã T để sinh sống trên mảnh đất đã được HTX nông nghiệp D cấp cho vợ chồng. Đến năm 1998, thì gia đình bà O đã chuyển đến sinh sống trên thửa đất đang xảy ra tranh chấp. Tại đây với mục đích vừa để ở và cũng để làm thêm nghề cắt tóc. Khi vợ chồng bà đến đây thì thửa đất chưa có nhà cửa gì, để tiện cho việc sinh hoạt vợ chồng bà đã kiến thiết, xây dựng các công trình trên đất gồm: 03 gian nhà cấp 4, 01 gian nhà bếp, nhà tắm, công trình phụ, sân gạch và 01 giếng khoan cùng bờ tường bao xung quanh. Trong quá trình sống trên đất gia đình còn trồng một số loại cây trái...Khi vợ chồng bà tiến hành xây dựng và sinh sống trên đất thì bố chồng vẫn còn sống và mẹ chồng cùng các anh em nhà chồng đều biết nhưng không ai có ý kiến gì. Đến năm 2003 thì bố chồng là ông Nguyễn Văn D chết không để lại chúc.

Ngày 03 tháng 4 năm 2005, gia đình bà có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 324, tờ bản đồ số 01, diện tích 232m², thuộc thôn D, xã T. Ngày 13 tháng 12 năm 2005, UBND huyện V đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà với các thông số là: đất số AD 023756 số vào sổ H03887, thửa đất số 324, tờ bản đồ số 01, diện tích 232m² ghi tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn T7.

Năm 2007, chồng bà là ông Nguyễn Văn T7 chết không để lại di chúc, quan hệ giữa bà và gia đình bên chồng vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng đến ngày 09/03/2009 gia đình ông T, gia đình ông H2 (là em trai của chồng bà) cùng mẹ chồng đã tụ tập lại để đòi lại thửa đất mà ba mẹ con bà sinh sống trên đó và đuổi mẹ con bà ra khỏi nhà. Đồng thời ông T cùng anh em đã đến đập phá tường bao của gia đình bà và chửi bới, ném gạch đá vào gia đình nhà bà mục đích của các hành động đó là đuổi mẹ con bà ra khỏi nhà để chiếm đất của gia đình bà. Đến ngày 06/12/2009 bà đang ở trong nhà lúc 11 giờ trưa ông T hai tay cầm hai viên gạch xông vào đập phá nhà bà, các đồ đạc trong nhà và còn đập cả Ban thờ nơi bà đang thờ cúng chồng. Thấy vậy, bà đã bỏ chạy ra khỏi nhà và nhờ người chở bà về nhà mẹ đẻ của bà ở thôn S. Sự việc trở lên vô cùng nghiêm trọng là vào tối ngày 08/12/2009 thì nhà của bà bị cháy, vì thế bà không thể về nhà được vì ông T đã tự ý hủy hoại các tài sản của bà và đe dọa. Do không còn nơi ở bà đã đến ở nhờ nhà mẹ đẻ khoảng 01 năm sau thì em gái bà là Đào Thị T3 đã cho bà sang ở nhờ và trong quá trình sống trên đó thì đến năm 2012 bà T3 đã bán lại cho bà lấy chỗ cho ba mẹ con sinh sống từ đó cho đến nay.

Bà O xác định tài sản là nhà và đất đã được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận mang tên chồng bà là ông T7 là tài sản chung của vợ chồng bà. Việc ông T tự ý phá hoại và gây nên cảm giác sợ hãi, đe dọa đến tính mạng của bà và các con đến nỗi bà phải ra ngoài sống nhờ trong khi chồng bà không còn nữa là vi phạm pháp luật. Đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả lại cho bà diện tích đất mà ông T đã lấn chiếm của gia đình bà.

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2016 bà O có yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông T phải trả gia đình diện tích đất đã lấn chiếm là 110m² và buộc gia đình ông T phải tháo dỡ bức tường ông T đã xây dựng trái phép trên đất của gia đình.

2. Hành vi của ông T là ăn cướp tài sản của gia đình nhà bà từ năm 2009 đến năm 2016 gây thiệt hại cho gia đình, đề nghị Tòa án buộc ông T phải bồi thường cho gia đình bà là 50.000.000đồng.

Tại phiên tòa ngày 06 tháng 8 năm 2018, bà Nguyễn Thị O có làm đơn và trình bày tại Tòa án bà xin rút yêu cầu với việc buộc gia đình ông T phải bồi thường bà 50.000.000đồng mà chỉ buộc gia đình ông T trả lại bà nguyên vẹn phần diện tích đất mà thực tế gia đình bà đã xây dựng trước đó để bà kiến thiết lại và cũng không yêu cầu ông T phải xây trả cho bà bức tường mà ông T đã phá của bà. Lý do bà O xin rút yêu cầu tại phiên tòa ngày 06 tháng 8 năm 2018 vì hiện các hành vi gây thiệt hại của ông T với bà là ông T đã vi phạm pháp luật về việc bảo vệ

quyền tài sản của công dân và bà đã có đơn tố cáo đến Cơ quan Công an huyện V. Vì thế, tại phiên tòa hôm nay bà không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V phải xem xét cho bà về những vấn đề liên quan đến việc ông T đã hủy hoại tài sản của bà nữa.

Phía bị đơn là Ông Nguyễn Văn T trình bày: Theo ông nguồn gốc thửa đất hiện đang xảy ra tranh chấp giữa ông và bà Đào Thị O có nguồn gốc là của bố mẹ ông là cụ Nguyễn Văn D (đã chết năm 2003) và cụ Trương Thị M, sinh năm 1937. Thửa đất trên có diện tích là 1.784m^2 có được do năm 1966 bố mẹ ông đã tiến hành khai hoang tại Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang). Bố mẹ ông đã được HTX và chính quyền địa phương giao cho mảnh đất thổ cư có diện tích là 1.784m^2 , vì gia đình ông đông con để có thêm đất canh tác bố mẹ ông đã khai phá thêm thửa đất có diện tích là 1.356m^2 . Năm 1974 bố mẹ ông đã xây dựng gia đình cho anh trai cả là ông Nguyễn Văn T7 và bà Đào Thị O, đến năm 1977 thì bố mẹ ông làm nhà và cho vợ chồng ông T7 và bà O ra ở riêng trên thửa đất này. Do điều kiện công tác năm 1980 vợ chồng ông T7 chuyển lên sống tại T, huyện L cho đến năm 1991 thì mới quay trở lại xã T, huyện V sinh sống. Từ năm 1980 đến năm 1991 khi vợ chồng ông T7 đang sống tại xã T, huyện L thì toàn bộ nghĩa vụ thuế của hai thửa đất mà bố mẹ ông đã có được là: 1.784m^2 và 1.356m^2 thì bố mẹ ông đều thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật. Năm 1999 vợ chồng ông T7 có xuống hỏi bố mẹ ông cho ông T7 được mượn một phần diện tích đất của thửa đất có diện tích là 1.784m^2 để mở quán cắt tóc, khi mượn để sử dụng vợ chồng ông T7 đã xây dựng các công trình trên đất. Đến năm 2003 thì bố ông chết không để lại di chúc, đến năm 2007 thì ông T7 chết cũng không để lại di chúc gì. Đến năm 2010 thì bà O đã tự ý bán thửa đất tại đôn Chối cho gia đình ông T8 mà không được sự đồng ý của gia đình nhà ông.

Theo ông thì bố mẹ ông có 06 người con thì có một anh trai là Nguyễn Văn T9 đã hy sinh, còn lại ông T7, bà T8, ông T, ông Hợp và ông Quý. Thửa đất hiện nay vẫn thuộc quyền sở hữu của mẹ ông. Trong diện tích đất trên thì năm 1997 bố mẹ ông đã cho vợ chồng ông H2 và bà T6 773m^2 để xây dựng nhà ở trên đó và được cả nhà nhất trí. Việc ông T7 và bà O năm 2005 tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất mà ông T7 và bà O đã mượn của bố mẹ ông và hiện nay thửa đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn T7 là không đúng vì đất này là của bố mẹ ông chứ không phải của ông T7, bố mẹ ông chỉ cho ông T7 và bà O ở nhờ mà thôi.

Ông cũng không nhất trí việc bà O cho rằng ông có hành vi lấn chiếm và phá vỡ bức tường của gia đình bà O là không đúng. Theo ông đất này từ trước đến nay đều thuộc quyền sở hữu của bố mẹ ông. Năm 2012 mẹ ông bị đổ nhà nên có bàn bạc và quyết định xây một ngôi nhà ba tầng để thờ cúng liệt sỹ và các anh em ông đều xây dựng theo sự chỉ đạo của mẹ ông. Về phần tường bà O cho rằng ông đã xây bít kín phần cửa là không đúng vì năm 1992 bố mẹ ông đã xây tường bao nhưng khi bố mẹ ông cho vợ chồng ông T7 mượn đất để làm quán cắt tóc thì có phá ra. Đến năm 2012, sau khi ông T7 mất và bà O tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ thì mẹ đẻ

ông đã tự thuê thợ xây kín lại. Nay bà O làm đơn khởi kiện yêu cầu ông phải tháo dỡ phần tường đã xây và trả lại phần đất đã lấn chiếm ông không nhất trí.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông Nguyễn Văn T - Luật sư Nguyễn Chí Dur - Công ty Luật TNHH D - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh trình bày:

Về mặt tố tụng: Hồ sơ khởi kiện của bà Đào Thị O không đủ điều kiện khởi kiện, Toà án không trả lại hồ sơ sau khi bà O cung cấp biên bản hoà giải ngày 12/01/2017 là không đúng, vi phạm tố tụng.

Theo hồ sơ vụ án, ngày 04/11/2016, UBND xã T, huyện V hoà giải tranh chấp đất đai giữa hai gia đình, thành phần chỉ có bà O và ông T mà không có những người liên quan như vợ con ông T, các con bà O tham gia.

Ngày 07/11/2016, bà O khởi kiện, ngày 17/11/2016, Toà án nhân dân huyện V thụ lý vụ án và ra thông báo gửi cho các bên.

Ngày 21/12/2016, sau khi nghiên cứu hồ sơ thấy biên bản hoà giải ngày 04/11/2016 của UBND xã T, huyện V lập thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên toà án đã có thông báo số 08 ngày 21/12/2016 về việc sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu bà O bổ sung thủ tục hoà giải tại cơ sở đảm bảo các thành phần tham gia phiên hoà giải, bà O đã nhận được thông báo này vào ngày 21/11/2016.

Ngày 12/01/2017, UBND xã T, huyện V có biên bản hoà giải, biên bản có đầy đủ các thành phần tham gia, biên bản này đã được bà Đào Thị O nộp cho Toà án vào ngày 17/01/2017 và vụ án được tiếp tục giải quyết cho đến nay.

Nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xem xét tính pháp lý của các tài liệu trong hồ sơ thì thấy:

1. Biên bản hoà giải ngày 04/11/2016 mà bà Đào Thị O nộp theo đơn khởi kiện, đơn này thiếu các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như các con của bà O, vợ và các con của ông T, biên bản này không đảm bảo theo điểm c khoản 1 Điều 88 Nghị định 43 của Chính phủ ngày 15/05/2014 hướng dẫn thi hành luật đất đai năm 2013, trong đó có quy định về thủ tục hoà giải tranh chấp đất đai. Vì vậy, Tòa án ra thông báo số 08 là đúng pháp luật và có căn cứ.

2. Biên bản hoà giải ngày 12/01/2017 có đầy đủ các thành phần, biên bản đảm bảo đúng với tinh thần Điều 88 Nghị định số 43 và Điều 202 Luật đất đai năm 2013. Tuy nhiên, biên bản này được lập sau ngày mà bà O nộp đơn khởi kiện là 68 ngày và sau ngày Toà án huyện V thụ lý là 58 ngày nên biên bản này không thể được coi là tài liệu kèm theo đơn khởi kiện để giải quyết vụ án này được vì theo Điều 203 Luật đất đai 2013 thì đương sự phải hoà giải tại UBND xã, phường, thị trấn, nếu hoà giải không thành thì khởi kiện ra Toà án.

3. Biên bản hoà giải ngày 12/01/2017, không chỉ được lập sau ngày thụ lý vụ án mà còn được lập, nộp sau ngày hết hạn cuối cùng (15 ngày làm việc) được nêu trong thông báo số 08 ngày 21/12/2016 (nếu nộp đúng ngày 12/01/2017 thì thời gian là 16 ngày làm việc) nhưng bà O giao nộp biên bản hoà giải này vào ngày 17/01/2017, (19 ngày làm việc) nên biên bản hoà giải ngày 12/01/2017 không được tính làm căn cứ để thụ lý vụ án. Theo quy định tại Điều 193 Bộ luật Tố tụng Dân

sự, Điều 203 Luật đất đai năm 2013 thì hồ sơ khởi kiện của bà Đào Thị O chưa đủ điều kiện khởi kiện, lẽ ra Toà án nhân dân huyện V phải trả lại đơn cho bà O nhưng Toà án vẫn tiến hành giải quyết vụ án là trái pháp luật. Vậy, đề nghị Toà án trả lại đơn khởi kiện cho bà O theo Điều 193 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Cụ Trương Thị M có 02 yêu cầu:

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện V đã cấp cho ông Nguyễn Văn T7 ngày 13/12/2005.

- Xem xét diện tích 232 m² (thực tế 194 m²) là của cụ M, yêu cầu mẹ con bà O tháo dỡ công trình trên đất trả lại cho gia đình cụ M.

1. Trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì thấy:

Tại đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T7 ký ngày 03/04/2015 xin cấp thửa 324, tờ bản đồ 01, diện tích 232 m², phần 2.7 nguồn gốc sử dụng đất ghi nhà nước giao đất có thu tiền hàng năm. Tuy nhiên, theo biên bản hoà giải ngày 04/11/2016, ngày 12/01/2017 và lời trình bày của bà O tại Toà án thì nguồn gốc đất là của cụ D, cụ M chứ không phải do nhà nước giao đất.

Theo báo cáo số 44 ngày 12/10/2009 của UBND xã T, huyện V về việc giải quyết đơn của bà M thì ông T7 không có giấy tờ chứng minh thửa đất ông đang sử dụng và không có hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của cụ D, cụ M. Các hộ giáp danh liền kề trong biên bản xác định danh giới, mốc giới không công nhận chữ ký của mình khi đó và không biết việc đo đạc.

Theo thông báo số 30 ngày 30/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang thì hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông T7 có nhiều thiếu sót, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T7 là trái pháp luật cần huỷ bỏ.

2. Về căn cứ để xác định diện tích 232 m² mang tên ông T7 mà các bên đang tranh chấp.

Về nguồn gốc, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan đều xác định diện tích 232 m² có nguồn gốc là của cụ D, cụ M.

Theo đơn khởi kiện và những lời khai của chị Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Văn T2 (2 con của bà O) và bà Đào Thị T3 – em gái bà O – Người đại diện theo uỷ quyền của chị T1, anh T2 tại đơn khởi kiện, đơn kháng cáo ngày 14/02/2015, bản án sơ thẩm số 02/2015/DSST ngày 06/02/2015; bản án dân sự phúc thẩm số 45/2015/DS-PT ngày 16/07/2015 thì diện tích 232 m² nằm trong Diện tích 1.784.6 m² là tài sản của cụ D, cụ M và hai anh chị đề nghị xin chia thừa kế.

Theo bản án số 02 ngày 06/02/2015 của Toà án huyện V và bản án số 45 ngày 16/07/2015 của Toà án tỉnh Bắc Giang thì thửa đất 232 m² mà các bên đang tranh chấp là tài sản của cụ D, cụ M chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng bà O ông T7.

Như vậy, các đương sự trong vụ án đều khẳng định thửa đất 232 m² là của cụ D và cụ M chứ không phải tài sản riêng của ông Nguyễn Văn T7 và bà Đào Thị O nên đơn khởi kiện của bà Đào Thị O là không có căn cứ cần bác bỏ. Yêu cầu độc lập của bà Trương Thị M là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về yêu cầu của bà Đào Thị O đòi bồi thường thiệt hại tài sản bị huỷ hoại, yêu cầu ông T bồi thường với tổng trị giá là 144.000.000 đồng.

Bà O đưa ra yêu cầu ông T phải phá dỡ công trình trên đất lấn chiếm của gia đình bà với tổng diện tích là 110 m² đồng thời yêu cầu ông T, bà T6 bồi thường thiệt hại những tài sản đã bị huỷ hoại bao gồm bức tường dài 18m, cao 1,7m xây gạch đá, 5 cây nhãn, 2 cây xoan, nhà tắm, sân giếng, giếng, bếp, đưa ra yêu cầu nhưng bà O không đưa ra được những tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình như vậy là không có căn cứ. Yêu cầu Tòa án bác yêu cầu này của bà O.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Cụ Trương Thị M trình bày theo như đơn yêu cầu độc lập đề ngày 21 tháng 8 năm 2017 thì thấy: Năm 1966, vợ chồng cụ M từ tỉnh Hà nam đi xây dựng vùng kinh tế mới tại Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Hà Bắc cũ nay là tỉnh Bắc Giang và được nhà nước cấp một mảnh đất thổ cư có diện tích là 1.794m². Năm 1972, do nhu cầu đất canh tác để có thêm thu nhập, vợ chồng cụ M đã khai hoang phục hóa thêm một mảnh đất với diện tích là 1.356m² trên quả đồi gần nhà thuộc thôn D để trồng sắn và hoa màu. Năm 1974 vợ chồng cụ để tổ chức cưới hỏi cho con trai lớn là ông Nguyễn Văn T7 và bà Đào Thị O, năm 1977 thì hai cụ đã làm nhà cho hai vợ chồng bà O ra ở riêng trên mảnh đất 1.356m² của gia đình. Năm 1980 vợ chồng ông T7 và bà O chuyển lên sinh sống tại huyện L cho đến năm 1991 thì trở lại thôn D, xã T. Trong khoảng thời gian này bà gia đình cụ vẫn thực hiện đầy đủ chính sách thuế của nhà nước. Năm 1998, vợ chồng ông T7 có hỏi vợ chồng cụ cho vợ chồng ông T7 mượn gần 100m² giáp với đường làng để mở quán cắt tóc và bán hàng tạp hóa. Năm 2003 thì cụ D chết không để lại di chúc. Trong quá trình sử dụng thì vợ chồng ông T7 và bà O đã tự ý đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn T7. Theo cụ thì thửa đất này cụ chỉ đồng ý cho ông T7 và bà O mượn chứ không tặng cho ông T7 và bà Oanh. Vì vậy, cụ đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Văn T7 và buộc bà Đào Thị O phải tháo dỡ các công trình đã xây dựng trên đất của cụ.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của cụ Trương Thị M là anh Hoàng Thế T10 trình bày: Anh T10 là đại diện theo ủy quyền của cụ Trương Thị M hoàn toàn nhất trí với đơn yêu cầu độc lập của cụ M. Tại phiên tòa, anh T10 vẫn giữ nguyên các yêu cầu đó, đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà O mang tên ông Nguyễn Văn T7, vì gia đình cụ M xác nhận là từ trước đến giờ chỉ cho gia đình bà O, ông T7 ở nhờ nên không thực hiện việc tặng cho và chuyển nhượng gì cho gia đình ông T7, bà O. Việc gia đình bà O tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T7 là vi phạm pháp luật cần hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn T7. Đồng thời, buộc gia đình bà O phải có trách nhiệm tháo dỡ các tài sản trên đất để trả lại đất cho gia đình cụ M.

Anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị T1 ủy quyền cho bà Đào Thị T3, bà T3 trình bày: bà T3 xác định nhà và đất tại thôn D, xã T hiện đang xảy ra tranh chấp giữa bà O và cụ Trương Thị M có nguồn gốc của bố mẹ chồng bà O. Do ông T7 là con trưởng và được sự đồng ý của bố mẹ chồng nên ông T7 và bà O mới ra đất hiện nay để ở. Để đảm bảo cho sinh hoạt cuộc sống thì ông T7 và bà O đã kiến thiết xây dựng trên đất các công trình. Năm 2005 thì gia đình ông T7 bà O được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn T7, năm 2007 thì ông T7 chết không để lại di chúc, năm 2009 thì bà O bị ông T đe dọa, phá hủy tài sản không thể sống trên đất đó được nữa thì bà O đã phải ở nhờ nhà mẹ đẻ tại thôn S sau sang ở nhờ gia đình bà. Do thấy hoàn cảnh bà O và các con không có nơi ở nên bà đã cho bà O ở nhờ một phần đất của gia đình và nay bà đã chuyển nhượng phần đất đó cho gia đình bà O. Nay bà nhận ủy quyền của anh T2 và chị T1 giữ nguyên quan điểm đề nghị gia đình cụ M phải trả lại cho gia đình bà O diện tích đất mà cụ đã lấn chiếm và buộc cụ M phải có trách nhiệm tháo dỡ bức tường cụ M đã xây dựng chắn lối đi của gia đình bà O. Ngoài ra bà cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Ông Nguyễn Văn H2 trình bày: Ông H2 không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị O về việc yêu cầu gia đình ông phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm cho bà O. Thửa đất tại thôn D, xã T có nguồn gốc là của bố mẹ ông khai hoang mà có hiện nay thửa đất này chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay gia đình bà O tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không được sự đồng ý của gia đình nhà ông là vi phạm pháp luật. Toàn bộ thửa đất trên gia đình ông vẫn đóng thuế đầy đủ còn bố mẹ ông trước đó đã cho ông T7 và bà O một thửa đất tại đồn Chối là 1.356m² nhưng bà O đã tự ý bán đi rồi thì không còn quyền chia đất với các anh em trong gia đình nữa. Nay bà O khởi kiện gia đình ông phải trả cho bà O diện tích đất đã lấn chiếm của thửa đất mang tên ông T7 thì ông không nhất trí, đề nghị Tòa án bác yêu cầu của bà O.

Bà Đào Thị T6 và bà T6 có nhận ủy quyền cho anh T5 trình bày: bà hoàn toàn nhất trí với ý kiến của gia đình bên chồng bà và không có ý kiến gì.

Bà Nguyễn Thị T8 trình bày: Bà xác nhận lời trình bày của anh Hoàng Thế T10, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn H2 là đúng. Theo bà gia đình bà O đã được bố mẹ bà chia cho diện tích tại đồn Chối rồi thì diện tích đất ở thôn D, xã T chỉ là cho mượn thôi chứ không phải tặng cho hay chuyển nhượng cho ông T7 và bà O nữa. Vì thế, bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà O.

Ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông nhất trí với lời trình bày của luật sư, anh Hoàng Thế T10, anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn H2. Gia đình ông không ai đồng ý cho bà O và ông T7 thửa đất mà ông T7 và bà O đã tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tường bao và cây cối là do bố mẹ ông trồng và xây chứ bà O đã xây bao giờ mà nhận là gia đình bà ấy xây để cho rằng gia đình ông đã phá hoại. Ông đề nghị Tòa án buộc gia đình bà O phải trả lại diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn T7 cho mẹ ông quản lý và sử dụng.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã xử :

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 164, Điều 165, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 115, 158, 166, 579, 580, 589 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 10, Điều 99, khoản 1 Điều 43, Điều 105, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị O.

Buộc Ông Nguyễn Văn T phải bồi thường cho bà Đào Thị O số tiền tương ứng với diện tích đất mà Ông Nguyễn Văn T đã xây nhà kiên cố và sân có các điểm AEFD có diện tích là: $27,6m^2 \times 450.000\text{đồng} = 12.420.000\text{đồng}$.

Buộc Ông Nguyễn Văn T phải trả lại bà Đào Thị O diện tích đất lấn chiếm có các điểm EBCF có diện tích $26,7m^2$.

Buộc Ông Nguyễn Văn T phải tháo dỡ bức tường xây chắn lối vào gia đình bà Đào Thị O có các điểm BK có chiều dài là 14,8m và phải tháo dỡ phần xây dựng trên phần đất lấn chiếm của gia đình bà Đào Thị O có các điểm EBCF.

Bác yêu cầu độc lập của cụ Trương Thị M về việc đòi gia đình bà O phải trả lại diện tích đất mà gia đình bà O đã xây dựng các công trình trên đất đã có tường bao.

2-Chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị O:

Đình chỉ phần yêu cầu của bà Đào Thị O đối với Ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

3-Về chi phí định giá tài sản: Buộc Ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà Đào Thị O số tiền đã tạm ứng chi phí định giá là 3.000.000đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 17/9/2018, Ông Nguyễn Văn T là bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, bác đơn khởi kiện của bà Đào Thị O. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 023756 cấp ngày 13/12/2005 mang tên Nguyễn Văn T7. Buộc bà Đào Thị O cùng các con dỡ bỏ các công trình trên đất để trả lại cho mẹ ông T thửa đất số 324, tờ bản đồ 01, diện tích $232m^2$ tại Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 19/9/2018, cụ Trương Thị M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên trong đó xác nhận thửa đất số 324, tờ bản đồ 01, diện tích $232m^2$ mang tên Nguyễn Văn T7 là của cụ Mặn và chồng cụ Mặn, bác đơn khởi kiện của bà Đào Thị O về việc đòi diện tích $110m^2$ đối với anh Nguyễn Văn T. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 023756 cấp ngày 13/12/2005 mang tên Nguyễn Văn T7. Buộc bà Đào Thị O cùng các con dỡ bỏ các công trình trên đất để trả lại cho mẹ ông T thửa đất số 324, tờ bản đồ 01, diện tích $232m^2$ tại Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 28/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 16/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28/9/2018 của Viện Kiểm sát nhân

dân tỉnh Bắc Giang đối với bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện V đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà Đào Thị O là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, Ông Nguyễn Văn T là bị đơn và cụ Trương Thị M do ông Nguyễn Anh M1 đại diện theo ủy quyền là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không rút kháng nghị. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Bà Đào Thị O trình bày: Đất của vợ chồng bà có diện tích 232 m² tại thửa đất số 324 tờ bản đồ số 01 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn T7 có nguồn gốc của vợ chồng cụ D, cụ M là bố mẹ chồng bà. Vào năm 1989 – 1990 vợ chồng bà được vợ chồng cụ D, cụ M cho diện tích đất này. Năm 2003 vợ chồng bà làm thủ tục đến cơ quan chức năng để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mọi thủ tục là do cán bộ hướng dẫn kê khai, đến năm 2005 vợ chồng bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chồng bà, năm 2007 chồng bà là Nguyễn Văn T7 chết.

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm sai lầm về nguồn gốc mảnh đất có diện tích 232 m² tại thửa đất số 324 tờ bản đồ số 01 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn T7. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T7 của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là sai, Ủy ban nhân dân huyện V cũng không có ý kiến trả lời Tòa án huyện V về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T7 là đúng hay sai. Bản án của Tòa án huyện V đã xét xử bỏ lọt không giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị M đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện V đã cấp cho ông Nguyễn Văn T7 là vi phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và bà M.

Cụ Trương Thị M do ông Nguyễn Anh M1 đại diện theo ủy quyền trình bày: Vợ chồng cụ D, cụ M khẳng định chưa bao giờ nói cho vợ chồng ông T7, bà O diện tích đất 232 m² tại thửa đất số 324 tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn T7. Bà M đề nghị:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện V đã cấp cho ông Nguyễn Văn T7 ngày 13/12/2005.

- Xem xét diện tích 232 m² (thực tế 194 m²) là của cụ M, yêu cầu mẹ con bà O tháo dỡ công trình trên đất trả lại cho gia đình cụ M.

Bản án của Tòa án huyện V đã xét xử bỏ lọt không giải quyết yêu cầu của bà Trương Thị M đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện V đã cấp cho ông Nguyễn Văn T7 ngày 13/12/2005 là vi phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo, Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Văn T, và bà Trương Thị M, Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự được coi là hợp lệ, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên HĐXX đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Xét đơn kháng cáo của các đương sự, Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang:

- Đối với đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Văn T, và bà Trương Thị M là đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, bác đơn khởi kiện của bà Đào Thị O. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 023756 cấp ngày 13/12/2005 mang tên Nguyễn Văn T7. Buộc bà Đào Thị O cùng các con dỡ bỏ các công trình trên đất để trả lại cho bà M thửa đất số 324, tờ bản đồ 01, diện tích 232 m² tại Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc Tòa cấp sơ thẩm không giải quyết hết các vấn đề cần giải quyết trong vụ án, không đúng quy định tại khoản 1 Điều 5, Điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Hội đồng xét xử thấy: Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên có nhận định về việc yêu cầu khởi kiện của cụ M và ông T đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Đào Thị O mang tên ông Nguyễn Văn T7, song ở phần quyết định của bản án lại không giải quyết yêu cầu này của các đương sự. Sự thiếu sót không giải quyết hết các yêu cầu của đương sự này là sự vi phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, cụ M.

Theo Công văn số 206/UBND-TNMT ngày 19/02/2019 do UBND huyện V phúc đáp Văn bản số 27/CV-DS ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 324 tờ bản đồ số 01 diện tích 232 m² (số giấy AD023756) cho hộ ông Nguyễn Văn T7 không đúng quy định (không thực hiện việc lập hồ sơ về tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 129 Luật Đất đai năm 2013) và diện tích cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Văn T7 nhiều hơn so với diện tích thực tế hộ gia đình bà Đào Thị O đang sử dụng (diện tích cấp giấy chứng nhận là 232m², diện tích thực tế sử dụng là 192,4 m²).

Tại phiên tòa cũng như các lời khai, bà O đều xác nhận nguồn gốc đất của vợ chồng bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 324 tờ bản đồ số 01 diện tích 232 m² (số giấy AD023756) cho hộ ông Nguyễn Văn T7 trước đây là của vợ chồng cụ Dvà cụ M. Cụ Dvà cụ M đã cho vợ chồng bà, chứ không phải nhà nước giao đất có thu tiền.

Như vậy có đủ căn cứ để xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 324 tờ bản đồ số 01 diện tích 232 m² (số giấy AD023756) cho hộ ông Nguyễn Văn T7 là không đúng quy định, nên việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ theo yêu cầu của ông T, bà M. Phù hợp với một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Do đó cần chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Văn T và cụ Trương Thị M. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Sự thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết hết các yêu cầu của đương sự là vi phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cụ Trương Thị M, Ông Nguyễn Văn T, sự vi phạm này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên cần hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ Điều 34 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang nên Hội đồng xét xử giao hồ sơ vụ án cho Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo thẩm quyền.

Do hủy bản án nên một số nội dung kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết mà sẽ được giải quyết trong quá trình xét xử sơ thẩm lại vụ án.

Các vấn đề về chi phí tố tụng sẽ được giải quyết khi vụ án được thụ lý lại để xét xử theo thủ tục sơ thẩm tại Tòa án.

[4]. Án phí: Do bản án sơ thẩm bị hủy để giải quyết lại nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, nên các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về nghĩa vụ chịu án phí sẽ được quyết định khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Hoàn trả đương sự số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xử:

[1]. Chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Văn T và cụ Trương Thị M.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Hủy bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang về Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các đương sự: Nguyên đơn: Bà Đào Thị O; Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo thẩm quyền.

[2]. Về án phí:

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả Ông Nguyễn Văn T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/05141 ngày 17/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã kí)

Bạch Đăng Thi